

Xuân thật đẹp trong văn hóa dân gian và thi ca Việt

ISSN: 2734-9195 14:10 18/02/2026

Trong sự giao thoa ấy, mỗi người đọc đều cảm nhận một mùa Xuân không chỉ của đất trời, mà còn của lòng người: biết sống chậm, sống sâu và sống trong niềm tri ân.

Mùa Xuân trong văn hoá Việt không chỉ là sự luân chuyển của thời tiết, mà là một cấu trúc biểu tượng được hình thành qua nhiều lớp ký ức, nghi lễ và mỹ cảm dân gian. Trong không gian ấy, những dấu hiệu quen thuộc như bánh chưng, câu chúc đầu năm, hay giai điệu vang lên từ ca khúc và thi ca... đều trở thành những “ngôn ngữ văn hoá” giúp cộng đồng gợi nhớ về nguồn cội và nuôi dưỡng tinh thần năm mới.



Hình minh họa. Nguồn: Internet

Khi được soi chiếu qua lăng kính Phật học, như các khái niệm duyên khởi, vô thường, hiểu đạo hay tâm hỷ, những biểu tượng Tết vốn mang tính sinh hoạt cộng đồng lại bộc lộ thêm những tầng nghĩa sâu hơn: gợi mở sự tỉnh thức, nuôi

dưỡng lòng biết ơn và làm hiển lộ mạch tuệ trong đời sống thường nhật. Điều đó cho thấy mùa Xuân không chỉ là thời khắc đổi mới của thiên nhiên, mà còn là một cơ hội để mỗi người trở về với tâm Xuân, tươi sáng, tỉnh giác và đầy hiếu hạnh.

Bài viết này phân tích ba trường hợp điển hình trong không gian Xuân, từ ca khúc thiếu nhi, thơ Nôm trào phúng đến nỗi lòng trong Truyện Kiều, nhằm làm rõ cách mùa Xuân vừa hiện hữu như một thực hành văn hoá, vừa vận hành như một thực tập nội tâm theo tinh thần Phật giáo.

Qua ba phân tích điển hình, bài cho thấy mùa Xuân vừa củng cố truyền thống cộng đồng, vừa khơi mở những chiều kích tuệ giác trong tư tưởng Phật giáo.

Trong bối cảnh ấy, trường hợp đầu tiên cần được khảo sát là hình ảnh mùa Xuân trong ca khúc thiếu nhi, nơi những biểu tượng dân gian hiện lên với ngôn ngữ trong trẻo và giàu tính giáo dục.

Biểu tượng Tết và tinh thần Phật giáo trong “Bánh Chưng Xanh”

Hai câu hát đầu tiên, từ ca khúc do Nghệ sĩ Phi Long sáng tác:

Bánh chưng xanh bên dưa hấu đỏ,

Cành mai vàng bên cành đào tươi

Những hình ảnh: bánh chưng xanh, dưa hấu đỏ, mai vàng, đào tươi, đều là những biểu tượng mang tính ký hiệu học của Tết Việt.



(Ảnh: Internet)

Trong giáo lý Phật giáo, mọi pháp đều do duyên khởi, mọi vẻ đẹp đều từ sự hội tụ của nhiều nhân duyên. Nhìn Tết qua lăng kính duyên khởi, ta thấy rõ: một mùa xuân hiện hữu là nhờ những ân tình âm thầm của nhiều thế hệ, từ người trồng lúa, người gói bánh, người giữ lửa văn hóa, đến mái nhà nhỏ nơi gia đình sum họp.

Ca khúc được viết tiếp cùng những câu hát:

Tết năm nay bé thêm một tuổi

Chúc ông bà sức khỏe dồi dào.

Chúc ba mẹ sức khỏe nhiều nhiều.

Chúc anh chị thương bé nhiều nhiều...

...gợi lại truyền thống chúc Tết, nghi thức gia đình mang tính giáo dưỡng và kết nối thế hệ. Từ một góc nhìn văn hóa học, chúc Tết là cách để trẻ nhỏ được tiếp nhận nếp nhà, học cách bày tỏ tình cảm và lòng kính trọng.

Trong Phật giáo, Hiếu được xem là phẩm hạnh nền tảng. Vì vậy, lời chúc hồn nhiên trong bài hát không chỉ là nghi thức lễ Tết, mà còn là dấu hiệu của sự tiếp nối đạo lý, của một không gian gia đình nuôi dưỡng lòng biết ơn. Khi trẻ biết gửi lời chúc, khi cả nhà cùng trao nhau lời lành, đó cũng là lúc hạt giống thiện được gieo vào tâm thức.

Câu hát cuối “*nhưng bé lớn rồi bé không thích lì xì*” tạo nên nét duyên đáng yêu của bài hát. Trong đời sống hiện đại, phong tục lì xì đôi khi bị đặt nặng vật chất, khiến ý nghĩa tinh thần, lời chúc lành và mong cầu bình an bị phai nhạt. Sự “không thích lì xì” của trẻ thơ trong bài hát vì thế lại mang ý nghĩa nhắc nhở: Ở đây không phải từ chối tiền mừng tuổi (lì xì), mà là sự hồn nhiên không nặng về vật chất. Dưới góc nhìn Phật giáo, đây là biểu hiện của tâm tri túc - biết đủ, không khởi tham cầu.

Nhìn lại từ bài hát “Bánh Chưng Xanh”, ta có thể nhận ra những đường nét tinh tế mà mùa xuân Việt luôn hàm chứa: sắc Tết truyền thống, mối gắn kết gia đình và đạo lý sống biết tri ân. Bài hát thiếu nhi, tuy ngắn gọn, nhưng lại chở theo trọn vẹn tinh thần ấy như một tiếng chuông nhỏ nhắc người lớn quay về những giá trị chân thực và bền vững.

Tâm Xuân trong thơ Hồ Xuân Hương



(Ảnh: Internet)

Từ trước đến nay đã có hàng trăm, thậm chí hàng ngàn công trình, bài viết nghiên cứu về “thơ Hồ Xuân Hương”. Tuy nhiên, cách tiếp cận thơ bà dưới lăng kính Phật học để khám phá chiều sâu “tâm Xuân” dường như vẫn còn ít được khai triển.

Trong khuôn khổ bài viết, từ góc nhìn riêng, tác giả chia sẻ phân tích hai bài thơ “Bánh trôi nước” và “Mời trầu”, để cùng tìm hiểu ngụ ý sâu xa “*Từ nghịch lý thế tục đến tinh thần giải thoát*” trong hồn thơ “Bà chúa thơ Nôm”.

Nhắc đến Hồ Xuân Hương, người ta nhớ ngay đến chất trào phúng và phóng túng. Song, chính trong sự thế tục ấy ẩn chứa góc nhìn rất thấu lý vô thường, điều mà ta thấy Phật giáo như một chân lý luôn mở ra sự tỉnh thức: *Nghịch lý và thế tục ở đây*, chính như những môn học của vô thường vậy.

Tiếng cười phá chấp và tinh thần vô úy

Trong bài Mời trầu, Hồ Xuân Hương viết:

“Quả cau nho nhỏ miếng trầu hôi,

Này của Xuân Hương mới quệt rồi”

Hai câu thơ mộc mạc, dân dã mà tươi rói sắc Xuân, như một nụ cười tinh nghịch phá vỡ những khuôn sáo xã hội. Đó là tiếng cười phá chấp, tinh thần dám là chính mình, dám đối diện ánh nhìn thị phi mà không hề e sợ. Ẩn dưới giọng điệu

hóm hỉnh ấy là một bản lĩnh vô úy rất gần với tinh thần Phật học: cái khiến con người sợ hãi không nằm ở hoàn cảnh bên ngoài, mà chính ở chấp niệm do tâm tạo tác.

Hai câu kế tiếp:

“Có phải duyên nhau thì thăm lại,

Đừng xanh như lá, bạc như vôi”.

Bà bộc bạch quan niệm sống dựa trên nhân duyên rất rõ ràng và thấm đượm chất thiền: Nếu có duyên, tình cảm sẽ tự nhiên kết nối, “thăm lại” như sắc Xuân hội tụ. Nếu chưa đủ duyên, cũng đừng vội “bạc như vôi”, đừng phụ phàng nhau mà tạo nghiệp; nhưng cũng đừng “xanh như lá”, vì lá rồi cũng tàn.



(Ảnh: Internet)

Và cũng chính ở đó, ta thấy sắc Xuân trong thơ Hồ Xuân Hương không chỉ là màu của đất trời, mà còn là nhịp thở của vô thường, nơi mỗi cuộc gặp gỡ đều mang trong mình một mầm khởi đầu mới.

Mọi sự vốn vô thường, hiểu được vậy, lòng nhẹ tựa gió Xuân, tình đời thêm hiền hòa và thấu cảm.

Cái tục, cái ngạo, cái hóm duyên trong thơ bà không nhằm gây sốc, mà như một cách lật ngược định kiến xã hội; như tiếng cười của người đã nhìn thấy vô thường, đã hiểu sự giả tạm của những khuôn phép ép buộc con người.

Bởi thế, tiếng cười ấy vừa tươi rói như lộc non đầu mùa, vừa thoáng chút trầm tư, như muốn nhắc ta rằng mọi khuôn thước rồi cũng tan vào gió Xuân mà thôi.

Nghịch lý thế tục như một tấm gương nhân sinh

Nếu như ở “Mời Trầu”, chỉ là “chút tình riêng”, thì trong “Bánh Trôi nước”, Hồ Xuân Hương dường như cương nghị cùng tiếng nói góp phần phá vỡ định kiến về thân phận người phụ nữ. Trong hai câu thơ đầu bà viết:

“Thân em vừa trắng lại vừa tròn,

Bảy nổi ba chìm với nước non”.

Đây vừa là lời tự sự vừa là tiếng nói chung cho thân phận người phụ nữ dưới chế độ lễ giáo nặng nề. Tuy nhiên, đến hai câu thơ tiếp theo, điều đáng nói là dù bấp bênh giữa cuộc đời, Hồ Xuân Hương cho thấy người phụ nữ Việt trong chế độ Phong kiến vẫn có sự tự tin đầy kiêu hãnh:

“Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn,

Mà em vẫn giữ tấm lòng son”.

Chính câu thơ này mở ra chiều sâu Phật học: “giữ lòng son” chính là giữ tâm không vấy bẩn bởi hoàn cảnh, như người tu giữ tâm giữa vô thường biến động. Cũng từ những vần thơ rất đời ấy, một con đường khác mở ra: con đường chiếu soi vào chính mình qua tiếng cười và tự cảm, một lối quán niệm gần gũi với tinh thần thiền hơn ta vẫn nghĩ.

Và hình tượng “mặc dầu tay kẻ nặn” tưởng như là cam chịu kia không phải là khuất phục, mà là bản lĩnh vượt lên, tự cảm hóa chính mình để nội tâm được giải thoát.

Nụ cười như phương tiện quán chiếu

Nụ cười, trong đạo Phật, không chỉ là biểu hiện cảm xúc mà còn là **phương tiện quán chiếu**: một khoảnh khắc dừng lại để thấy rõ bản chất của đời sống trong sự nhẹ nhàng và tỉnh thức.

Khi đặt bên cạnh tiếng cười trào lộng của Hồ Xuân Hương, ta nhận ra sự gặp gỡ thú vị: cả hai đều dùng nụ cười như một cách soi rọi vào những nghịch lý của cuộc đời, để từ đó đánh thức cái nhìn thâm trầm và nhân hậu hơn.

Nàng Xuân “Phật giáo” trong trích đoạn Truyện Kiều



Hình minh họa tạo bởi AI

Trong đoạn thơ “Cảnh ngày Xuân”, Nguyễn Du viết:

*Ngày xuân con én đưa thoi,
Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi.
Cỏ non xanh tận chân trời,
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.
Thanh minh trong tiết tháng ba,
Lễ là tảo mộ hội là đạp thanh.
Gần xa nô nức yến anh,
Chị em sắm sửa bộ hành chơi xuân.*

Những câu thơ mở đầu của đoạn trích Truyện Kiều đưa ta bước vào không gian mùa xuân thanh tân và tinh khiết. “*Ngày xuân con én đưa thoi*” không chỉ là hình ảnh tả thực về đàn én chao liệng mà còn là biểu tượng văn hóa dân gian của sự trở về, khởi đầu và tin vui. Với người Việt, én về là báo hiệu năm mới an lành; dưới lăng kính Phật giáo, đây còn là nhắc nhở về vô thường: mùa Xuân đẹp dễ nhưng ngắn ngủi, một lần nữa quay lại trong dòng sinh diệt vô tận.

“*Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi*” gợi ánh sáng xuân chan hòa, đẹp nhất trong khoảng trời đất. Thi hào dùng cách nói ước lệ để diễn tả mùa Xuân đã đi được hai phần ba chặng đường, khoảnh khắc vừa tròn đầy vừa phẳng phất

tiết nuôi. Nơi đây, tinh thần dân gian giao thoa với giáo lý Phật giáo về sự trôi chảy của thời gian: mọi vẻ đẹp đều đang trong quá trình biến dịch và chính sự dịch chuyển ấy tạo nên giá trị của hiện tại. Mỗi phút giây của mùa xuân đều quý, như từng sát na của đời sống.

Cảnh vật mở rộng theo chiều sâu của thị giác qua hai câu thơ: *“Cỏ non xanh tận chân trời/Cành lê trắng điểm một vài bông hoa”*. Tác giả phối sắc xanh - trắng mảnh mai mà trang nhã tạo nên bức tranh vừa thanh khiết vừa tinh tế. Văn hóa dân gian Việt Nam luôn trân trọng vẻ đẹp của tự nhiên, coi đó là dấu hiệu của phúc lộc, của năm mới nảy nở. Dưới ánh nhìn của đạo Phật, cỏ non và hoa lê lại gợi niệm về sự sinh khởi: từ trong mùa Đông tàn, mầm sống bật dậy, biểu hiện quy luật “sinh - trụ - dị - diệt”. Mọi hương sắc mùa Xuân đều là pháp vô ngã, không thuộc về ai, nhưng lại khiến lòng người nhẹ nhàng hơn, an trú hơn.



Hình minh họa. Nguồn: Internet

Khi cảnh vật đã tràn đầy sinh khí, con người bước vào với sinh hoạt **văn hóa** đã thành nếp bao đời: *“Thanh minh trong tiết tháng ba/Lễ là tảo mộ hội là đạp thanh”*. Tết Thanh minh, trong tâm thức Việt, là thời điểm kết nối sâu sắc giữa tổ tiên và con cháu.

Tảo mộ không chỉ là nghi lễ tri ân, mà còn là cách nhắc nhở mình về gốc rễ, về ân nghĩa, giá trị to lớn của văn hóa dân gian. Dưới ánh sáng Phật pháp, đây là tinh thần “báo hiếu”, “tri ân - báo ân”, phù hợp với giáo lý tứ trọng ân. Lễ Thanh minh vì thế không còn vương đọng buồn thương, mà trở thành nét đẹp trong văn hóa tri ân.

“Hội là đạp thanh” - hội Xuân với những cuộc du ngoạn ngoài đồng cỏ, nơi con người hòa mình vào cùng thiên nhiên, trời đất. Đạp thanh vốn là phong tục cổ của Trung Hoa, nhưng khi vào văn hóa Việt đã trở thành nét vui Xuân, gắn với tinh thần thư thái, giải thoát khỏi những nặng nề của mùa cũ. Ở đây, phong tục dân gian gặp gỡ tinh thần Phật giáo: đi giữa đồng xanh là một dạng “thiền hành” nhẹ nhàng, giúp thân tâm mở rộng, tiếp xúc với sự sống.

Đến hai câu thơ tiếp theo: *“Gần xa nô nức yến anh/Chị em sắm sửa bộ hành chơi xuân”*. Yến anh ríu rít, chị em rộn ràng, một bức tranh Xuân đậm nét nhân tình, nơi con người hòa nhập tự nhiên một cách tự tại. Sự nô nức này không phải xô bồ mà là niềm vui thuần khiết, tươi sáng. Quan sát từ tinh thần Phật giáo, đây là khoảnh khắc mà ta được sống trọn vẹn với hiện tại, vui trong chừng mực, không tham cầu quá độ - “tri túc” trong từng cuộc vui.

Toàn cảnh mùa Xuân trong đoạn thơ vì vậy không chỉ đẹp ở thiên nhiên hay phong tục, mà còn đẹp ở chiều sâu tâm thức.

Có thể thấy, qua những ví dụ đã phân tích, với văn hóa dân gian, Xuân là đoàn tụ; với đạo Phật, Xuân là tâm an. Trong sự giao thoa ấy, mỗi người đọc đều cảm nhận một mùa Xuân không chỉ của đất trời, mà còn của lòng người: *biết sống chậm, sống sâu và sống trong niềm tri ân*. Từ đó, ta cùng đón năm mới trong sắc Xuân rạng ngời, chan hòa nhân ái và đậm tinh thần nhân văn.

Tác giả: **Tịnh Như**